

PHƯƠNG PHÁP
NGHIÊN CỨU
LUẬT HỌC

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LUẬT HỌC

Bản quyền © Phạm Duy Nghĩa, 2025

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa mềm, tay gấp, 2025

Tác phẩm được xuất bản và phát hành theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và Tác giả

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam - thành viên của Alpha Publishing Group.

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị - Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản gần 500 đầu sách thuộc 7 tủ sách, bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đời người và Tủ sách Y sinh. Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng, Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Phạm Duy Nghĩa

Phương pháp nghiên cứu luật học / Phạm Duy Nghĩa. - H. : Thế giới ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2025. - 228 tr. ; 21 cm

1. Pháp luật 2. Phương pháp nghiên cứu

340.721 - dc23

TGM0654p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: info@omegaplus.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: truyenthong@omegaplus.vn

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: dichvu@omegaplus.vn

PGS TS PHẠM DUY NGHĨA
Giảng viên cao cấp
Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam

PHƯƠNG PHÁP
NGHIÊN CỨU
LUẬT HỌC

ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI OMEGA+

Phụ trách xuất bản: Trần Hoài Phương

Phụ trách bản quyền: Kim Ngân

Điều phối sản xuất và biên tập: Hương Nguyễn

Thiết kế bìa: Hoàng Duy Khánh

Trình bày: Vũ Lê Thu

Thư ký xuất bản: Bùi Huyền

ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRUYỀN THÔNG



<https://www.facebook.com/tramdocvn>
website: <http://tramdoc.vn/>

Mục lục

Danh mục chữ viết tắt.....	7
Lời tác giả.....	8
Chương I	Nghiên cứu pháp luật: Khái niệm và ý nghĩa.....11
Chương II	Nghiên cứu học thuyết: Một phương pháp nghiên cứu luật học truyền thống.....32
Chương III	Khung lý thuyết trong nghiên cứu pháp luật..... 68
Chương IV	Các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội trong nghiên cứu pháp luật.....91
Chương V	Lựa chọn và diễn đạt câu hỏi nghiên cứu..... 106
Chương VI	Đánh giá tài liệu và xây dựng đề cương nghiên cứu126
Chương VII	Kỹ năng viết bài nghiên cứu pháp luật..... 160
Chương VIII	Thuyết trình bài nghiên cứu pháp luật186
Chương IX	Đạo đức của người nghiên cứu pháp luật203
Phụ lục	Một số gợi ý tra cứu tài liệu trong nghiên cứu pháp luật.....218
Chú thích	223

... Bộ sách nhỏ này sẽ giúp bạn hiểu luật là gì, luật được làm ra như thế nào, như thế nào là luật tốt trong thời đại biến động, bất định, phức tạp và mơ hồ đang diễn ra.

Danh mục chữ viết tắt

DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
HĐND	Hội đồng nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
UBND	Ủy ban nhân dân
VBPL	Văn bản pháp luật
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
§	Điều (ví dụ § 55.2.b Luật Ban hành VBQPPL 2025 đọc là: Điều 55, khoản 2, điểm b Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025)

Lời tác giả

Nếu bạn quan tâm đến pháp luật, muốn tìm hiểu luật để bảo vệ bản thân và gia đình, hoặc bạn học luật để chọn việc làm và mong thành công trong nghề, cuốn sách nhỏ này sẽ là bước đầu tiên, giúp bạn khám phá các học thuyết pháp lý. Dựa vào các học thuyết đó bạn sẽ tập dần kỹ năng phân tích luật viết, phân tích bản án, nhận diện vấn đề pháp lý, lựa chọn giải pháp và lập luận cho quyết định của mình. Bạn sẽ học cách tìm ra luật (*finding law*) giải được những bài tập mà khách hàng đặt ra.

Muốn làm được điều đó, bạn nên rèn từ rất sớm các kỹ năng nghiên cứu để nghĩ và hành nghề như một luật sư (*thinking like a lawyer*). Viết một tiểu luận pháp luật (*legal essay*), bình luận án (*case note*) hay tóm tắt tình huống và phân tích giải pháp pháp luật (*legal briefing*) là những bài tập nhỏ đầu tiên để hành nghề. Để tốt nghiệp, bạn phải hoàn thành các bài tập nghiên cứu lớn hơn. Khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp thường là những công trình nghiên cứu công phu hơn, tốn nhiều tâm trí, công sức của người học luật.

Từ những ý tưởng mơ hồ, cuốn sách này giúp bạn mài giũa tư duy để nhận biết vấn đề và diễn đạt câu hỏi nghiên cứu cho bài tập, bài viết, luận văn hay tác phẩm của mình. Cuốn sách giới thiệu các phương pháp thông dụng cần cho người nghiên cứu pháp luật, bao gồm nghiên cứu học thuyết, phân tích luật viết, các phương pháp khoa học xã hội và nhân văn thường dùng trong nghiên cứu pháp luật.

Nghiên cứu tốt chưa đủ, bạn còn phải biết cách truyền thông, truyền đạt hiệu quả, khéo léo đóng gói kết quả nghiên cứu để thuyết phục khách hàng. Hỗ trợ bạn làm được điều đó, sách này cũng gợi ý cách thuyết trình và viết một bài nghiên cứu pháp luật hiệu quả; viết để thuyết phục, viết để thắng, viết để thành công (*writing to win*).

Sách được viết để giúp bạn thực hành các kỹ năng nghiên cứu. Vì vậy, thay vì đọc theo thứ tự từ Chương I đến Chương IX, hãy dừng lại ở bất kỳ trang nào để thực hành mỗi khi bạn có cơ hội. Nếu có một ý tưởng nghiên cứu, hãy viết ý tưởng đó ra, hãy tận dụng các ứng dụng AI, hãy chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; từ những ý nghĩ sơ khai hãy biến thành một chủ đề, hãy sử dụng ngay những điều vừa đọc để học nhóm, để tham gia báo cáo trước lớp, để tiến hành các tiểu luận kết thúc môn học. Học là tự học. Học để hành.

Giúp bạn đọc dễ theo dõi, mỗi đoạn viết trong bộ sách gồm 5 quyển này được đánh số lẻ kèm theo một tiêu đề ngắn. Mong gửi vào từng trang viết nhiều thông tin nhất có thể, bộ sách này sử dụng từ viết tắt, cách trích dẫn luật

đôi khi chưa thật phổ biến ở nước ta. Tôi giữ tài liệu tham khảo, chú dẫn ở mức tối giản, khi cần có dùng vài từ nước ngoài, với hàm ý để bạn quen dần trong tầm nhìn hành nghề quốc tế, xin được lượng thứ nếu bạn đọc cảm thấy bất tiện.

Trân trọng cảm ơn các bạn học viên, đồng nghiệp, bằng hữu, người thân đã luôn khích lệ tôi trong 30 năm làm nghề dạy học. Dù đã cố gắng, song sách này không thể tránh sai sót, xin trân trọng cảm ơn mọi ý kiến phê bình của quý độc giả để cuốn sách được tốt hơn trong những lần tái bản sau.

Thành phố Hồ Chí Minh, 10/2025

PHẠM DUY NGHĨA

CHƯƠNG I

Nghiên cứu pháp luật: Khái niệm và ý nghĩa

Chương này giới thiệu nghề luật, định nghĩa và phân loại một cách tổng quát các nghiên cứu luật học, thảo luận hệ quy chiếu, dẫn đề các phương pháp thường dùng trong nghiên cứu luật học, bao gồm phương pháp nghiên cứu học và các phương pháp phổ biến khác cần sử dụng cho một bài nghiên cứu luật học.

NGHỀ LUẬT, HỌC LUẬT, VIỆC LÀM TRONG NGHỀ LUẬT

1. **Tổng quan về đào tạo luật:** Luật học là một ngành học truyền thống, tuy vậy việc dạy, học và hành nghề luật đang thay đổi nhanh. Trên thế giới, khái quát có hai mô hình đào tạo luật. Theo định hướng hành nghề ở Mỹ, người đã tốt nghiệp đại học (một ngành bất kỳ) sẽ được đào tạo 3-4 năm (toàn thời gian) trong một trường luật (có tên trong danh

sách các trường được Hiệp hội luật sư Hoa Kỳ công nhận) để được cấp bằng *tiến sĩ luật thực hành* (JD), một điều kiện dự thi chuẩn mực để lấy thẻ hành nghề luật sư. Ở nhiều nước khác, học vị ngành luật gồm cử nhân luật (LLB), thạc sĩ luật (LLM), tiến sĩ luật (PhD); (tùy quốc gia, khái niệm thạc sĩ luật (LLM) rất khác nhau, đôi khi dành cho người chưa có bằng LLB hoặc người học từ hệ thống pháp luật nước ngoài). Mô hình JD kiểu Hoa Kỳ đã được du nhập vào một số nước, với mức độ thành công khác nhau. Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, từ đào tạo kiểu hàn lâm để cấp bằng cử nhân luật (LLB) truyền thống, đã có thời gian chuyển một phần sang đào tạo JD, với quy mô và tốc độ chuyển đổi hạn chế. (Lưu ý: học vị thường chưa đủ là điều kiện để hành nghề luật sư ở các nước này, người học còn phải học thêm những chương trình hành nghề). Người hành nghề trợ lý luật (nhân viên văn phòng luật, thi hành án, người giúp việc trong dịch vụ pháp lý – *paralegal*) thường được đào tạo nghề ở bậc trung cấp, cao đẳng là đủ [1].

2. **Đào tạo hàn lâm, đào tạo hành nghề:** Thông thường, để hành nghề luật, sau khi tốt nghiệp cử nhân luật, ứng viên phải theo học một chương trình đào tạo nghề, kéo dài tới 2 năm. Việc dạy nghề do Bộ Tư pháp hoặc Hiệp hội luật sư đảm nhận. Nghề luật ở đâu cũng được Nhà nước quản lý chặt chẽ,

mang tính bảo hộ rất cao. Giấy phép hành nghề Luật hoặc do cơ quan nhà nước cấp (ví dụ bằng cử nhân toàn phần ở Đức, Thụỵ Sĩ, Áo – *Volljurist* do Bộ Tư pháp tiểu bang cấp sau một kỳ thi quốc gia), hoặc được trao quyền cho các Hiệp hội luật sư (ví dụ Hiệp hội luật sư Hoa Kỳ) có thẩm quyền công nhận các trường luật, định hướng nội dung và chương trình giảng dạy cũng như tổ chức các kỳ thi để hành nghề luật, *bar exam*) [2].

3. **Đào tạo luật ở Việt Nam:** Hiện nay ở Việt Nam, luật được đào tạo ở 5 (năm) bậc học khác nhau, từ trung cấp, cao đẳng, cử nhân, thạc sĩ, cho tới tiến sĩ. Vào thời điểm cuối năm 2025, *cả nước có 103 cơ sở đào tạo cử nhân luật* đã được Bộ GDĐT cấp phép và đang đào tạo luật. Trung bình, cứ một triệu dân nước ta đã có một cơ sở dạy luật. Về chế độ chủ quản của các cơ sở công lập, một số cơ sở dạy luật trực thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Công an, số còn lại trực thuộc Bộ GDĐT, TANDTC, VKSNDTC, UBND cấp tỉnh. Trường đại học tư nhân cũng được phép đào tạo luật, thường là luật kinh tế [3]. *Mạng lưới liên kết các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam* (viết tắt là VLSN) đã hình thành từ vài năm nay, với mục đích chia sẻ kinh nghiệm, tầm nhìn, tổ chức các sinh hoạt nghiên cứu chung, hứa hẹn sẽ đóng góp đáng kể cho định chuẩn, chuẩn hóa đào tạo luật trong nước. Về mặt chính sách, người ta đã nhận ra nhu cầu phải

quản lý chặt hơn các cơ sở đào tạo luật, song chưa rõ các giải pháp quản lý là gì.

4. **Đào tạo hành nghề luật:** Học để lấy học vị cử nhân, thạc sĩ hoặc tiến sĩ là đào tạo hàn lâm, khác với học để hành nghề luật. Để luật sư, thẩm phán và công tố viên có cùng một nền tảng kiến thức, người ta thường dạy nghề chung cho ba nhóm hành nghề này. Triết lý này (*Einheitsjurist*) bắt nguồn từ Đức, được du nhập sang Nhật, Hàn Quốc, một thời cũng đã được Việt Nam tham khảo, ít nhất trong chủ trương, khi Học viện Tư pháp được thành lập vào năm 1998. Tuy nhiên, triết lý này không được triển khai triệt để và có vẻ đã không còn thuyết phục ở Việt Nam. Hiện nay, Học viện Tư pháp (thuộc Bộ tư pháp) chỉ còn đảm trách những chương trình dạy hành nghề cho luật sư, công chứng, giám định viên tư pháp, thừa phát lại. Trường ĐH Kiểm sát (thuộc Viện KSNĐTC) đào tạo kiểm sát viên. Học viện Tòa án (thuộc TANDTC) đào tạo thẩm phán, thư ký tòa án. Liên đoàn Luật sư Việt Nam có chức năng bồi dưỡng nghề cho luật sư. Việc bồi dưỡng với số giờ quy định hằng năm được thực hiện bởi Liên đoàn luật sư, Hiệp hội công tố hay Hiệp hội thẩm phán theo truyền thống riêng của từng nghề.
5. **Thị trường việc làm trong nghề luật:** Căn cứ vào số liệu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, số lượng sinh viên

đại học luật (*trong 5 hệ: chính quy, tại chức, văn bằng hai, bằng kép, trực tuyến*) nhập học vào hàng trăm cơ sở đào tạo luật toàn quốc, ước tính có tới 20.000 sinh viên. Thị trường việc làm cho người mới tốt nghiệp luật ngày càng biến động khó lường, người học cần trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ học suốt đời, mới hy vọng giữ được năng lực cạnh tranh trong thị trường việc làm ngày càng khốc liệt.

- **Những công việc ban đầu:** Khi chưa có thẻ luật sư, cử nhân luật mới tốt nghiệp thường có thể tìm các công việc như sau: (i) nhân viên pháp lý, (ii) nhân viên quản lý hợp đồng trong các doanh nghiệp, ngân hàng, (iii) công chức trong các cơ quan nhà nước, (iv) viên chức trong đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội, hiệp hội, cơ quan truyền thông.
- **Định hướng hành nghề tư pháp:** Nếu định hướng hành nghề trong lĩnh vực tư pháp, cử nhân luật có thể tìm việc trong những nghề như điều tra viên, công tố viên, kiểm sát viên, thư ký tòa án. Trong số hơn 100 cơ sở dạy luật ở Việt Nam, trong năm 2025, chỉ có khoảng 15-20 cơ sở được TANDTC và VKSNDTC cho phép tham gia dự tuyển chức danh thư ký tòa án hoặc kiểm sát viên [4].
- **Định hướng hành nghề luật sư:** Cử nhân có thể định hướng hành nghề luật sư, chia thành hai

trọng tâm, hoặc luật sư tư vấn (thương lượng, đàm phán các giao dịch/*transactional lawyer*), hoặc luật sư tranh tụng (*litigation lawyer*). Các nghề này cần có thể luật sư để hành nghề.

- **Quản trị, kinh doanh:** Một tỷ trọng đáng kể cử nhân luật tự thành lập và điều hành các doanh nghiệp, cạnh tranh trực tiếp với cử nhân các ngành kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh [5].
- **Trợ giúp pháp lý:** Cử nhân luật cũng có thể cung cấp VBPL và trợ giúp pháp lý giản đơn trong các trung tâm tư vấn và hỗ trợ pháp lý. Tuy nhiên, loại việc này dự báo sẽ được thay thế nhanh chóng bởi các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong vài năm tới.

NGHIÊN CỨU TRONG NGHỀ LUẬT

6. **Nghiên cứu:** Để thống kê có bao nhiêu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (*những con AI*) được dùng phổ biến trong nghề luật, những ứng dụng nào là chuyên dụng cho nghề luật sư, việc ấy cần tìm hiểu, thống kê, phân tích. Nghiên cứu thị trường, tìm kiếm, giữ chân khách hàng, tập huấn nhân viên, trong công việc thường ngày của người hành nghề luật, mỗi quyết định thường được đưa ra dựa trên kết quả của vô số nghiên cứu, tra cứu được tiến hành như một thói quen nghề nghiệp mà ít khi người ta ý thức về nó.

7. **Nghiên cứu khoa học:** Khác với tìm kiếm, tra cứu thường ngày, nghiên cứu khoa học được hiểu trong sách này hẹp hơn, chỉ bao gồm *các hành vi được tiến hành một cách có hệ thống, dựa trên một phương pháp, dựa trên một hoặc nhiều khung lý thuyết chắc chắn, nhằm góp phần nhận biết, giải thích một sự vật, sự việc, từ đó đóng góp thêm, đóng góp điểm mới vào khối tri thức sẵn có của con người*. Nghiên cứu khoa học là hành vi được tiến hành có chủ đích tìm hiểu tri thức mới, được thực hiện với phương pháp và quy trình khoa học. Nghiên cứu khoa học có thể được phân thành 4 loại như sau: (i) nghiên cứu cơ bản thuần túy (*pure basic research*), (ii) nghiên cứu cơ bản chiến lược (*strategic basic research*), (iii) nghiên cứu ứng dụng (*applied research*) và (iv) phát triển thử nghiệm (*experimental development*).
8. **Nghiên cứu cơ bản thuần túy:** Là các hoạt động nghiên cứu lý thuyết cơ bản hay thí nghiệm, đặt nền móng cho những cách tiếp cận lý thuyết mới, không giới hạn vào một mục đích ứng dụng xác định trước. Trong luật học, nghiên cứu cơ bản thuần túy có thể bao gồm các nghiên cứu giải thích sự ra đời của pháp luật, mối quan hệ giữa pháp luật, văn hóa và các thể chế xã hội chính thức, phi chính thức khác. Cũng như vậy, bản chất pháp luật, cấu trúc pháp luật, các triết lý về “quy phạm pháp luật” có thể hiểu là nghiên cứu cơ bản thuần túy.

9. **Nghiên cứu cơ bản chiến lược:** Sau khi nhận biết rõ vấn đề pháp lý cần có lời giải, người ta tiến hành nghiên cứu cơ bản để tìm thông tin, tri thức làm nền móng cho các giải pháp, đó là nghiên cứu cơ bản chiến lược. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu chưa cần phải chi tiết tới mức có thể ứng dụng được ngay. Trong luật học, các nghiên cứu để giải thích mối quan hệ giữa pháp luật và sự thịnh vượng của các quốc gia, pháp luật và phát triển, pháp luật và dân chủ, pháp luật và thị trường, pháp luật và quyền con người, pháp luật và chuyển đổi số... là những nghiên cứu cơ bản có định hướng chiến lược rõ ràng.

10. **Nghiên cứu ứng dụng:** Người nghiên cứu tìm hiểu tri thức để ứng dụng, nhằm đạt một mục tiêu cụ thể đã xác định trước. Đây là những nghiên cứu nhằm giải quyết một nhiệm vụ cụ thể. Trong nghề luật, luật sư, nhân viên pháp chế doanh nghiệp, tổ chức truyền thông hay hiệp hội, thư ký tòa án, hay thẩm phán, đều tiến hành mỗi ngày vô số các nghiên cứu ứng dụng để:
 - tóm tắt và hiểu các sự kiện, sự việc (*facts*),
 - điều tra, chứng minh, nhận diện vấn đề pháp lý (*legal issues*),
 - tìm nguồn luật điều chỉnh (*sources of the law*), để giải thích, vận dụng, áp dụng pháp luật (*law interpretation*) để giải quyết vấn đề pháp lý nêu trên,
 - đưa ra các giải pháp, quyết định (*making decision*).

11. **Phát triển thử nghiệm:** Là hoạt động áp dụng các tri thức đã có để thử nghiệm các quy trình vận hành, tạo ra sản phẩm, quy trình hay dịch vụ mới. Khác với các nghiên cứu, đây là hoạt động chuyển hóa tri thức, đôi khi đã có sẵn, trở thành các quy trình, sản phẩm hay dịch vụ cụ thể. Ví dụ, *legal tech*, là mảng nghiên cứu phát triển các ứng dụng dựa trên dữ liệu pháp luật, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm *mapping the law*, thiết kế các dịch vụ hỗ trợ tư vấn, thụ lý, hỗ trợ tố tụng tòa án và trọng tài. Những hoạt động này là phát triển thử nghiệm.

MỘT SỐ TỪ KHÓA THƯỜNG DÙNG

12. **Chấp nhận và trải nghiệm:** *Agreement reality and experiential reality*, khoa học là hoạt động có hệ thống của con người nhằm trang bị kiến thức, giải thích một sự kiện, hiện tượng, một thực tế. Để trang bị kiến thức, thường có hai cách: (i) chấp nhận, thừa nhận các nghiên cứu hay kinh nghiệm của người khác, ví dụ chấp nhận các học thuyết như pháp nhân, lỗi, lỗi suy đoán, thời hiệu, miễn trách, hạn chế thiệt hại, hoặc (ii) tự tìm hiểu qua các nghiên cứu hay kinh nghiệm, trải nghiệm của chính mình, ví dụ điều tra tính tuân thủ luật thuế của người dân, doanh nghiệp, đánh giá tính tương thích của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

13. **Nghiên cứu hàn lâm, nghiên cứu ứng dụng:** *Academic research and applied research*, nghiên cứu hàn lâm nhằm xây dựng hoặc kiểm định các lý thuyết khoa học, kết quả nghiên cứu hàn lâm thường được công bố trên các tạp chí khoa học. Ngược lại, nghiên cứu ứng dụng gắn liền với việc tìm kiếm các lựa chọn, lập luận, giải pháp, quyết định cụ thể.
14. **Diễn dịch:** *Deduction*, là một quá trình mà người nghiên cứu dựa vào những lý thuyết nền móng đã biết (*foundational theories*) để xây dựng các giả thuyết (*hypothesis*) nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu (*research question*) và dùng quan sát, thu thập bằng chứng, dữ liệu để kiểm định, kiểm chứng, xác tín (*testing*) các giả thuyết này.
15. **Quy nạp:** *Induction*, ngược lại với suy diễn, người nghiên cứu xuất phát từ câu hỏi nghiên cứu, tiến hành quan sát các hiện tượng khoa học, từ đó xây dựng thành các mô hình (*pattern*) và tổng quát hóa, nhằm giải thích các hiện tượng đó thông qua lý thuyết khoa học.
16. **Định tính:** *Qualitative approach*, là một phương pháp thường dựa vào quy trình quy nạp để nghiên cứu, đưa ra các lý thuyết nhằm giải thích mối quan hệ nhân quả của một hiện tượng.